

Bản án số: 279/2022/DS-PT

Ngày: 24/11/2022

V/v tranh chấp di sản thừa kế

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Tuyết Mai**

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Võ Bích Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Thanh Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần thơ

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông **Bùi Trung Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận O bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 251/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1/ Bà **Trần Thị K**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khu vực T, phường L, quận O, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà K: ông Trần Hùng D là luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Thân Ái thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

2/ Bà **Trần Thị Kim L**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Trần Thị L1**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khu vực T, phường L, quận O, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân phường L, quận O.

- Ông Trần Văn M, sinh năm 1962.

- Bà Trần Thị Kim L2, sinh năm 1972.

- Bà Trần Thị Kim M1, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Khu vực T B, phường L, quận O, thành phố Cần Thơ.

- Bà Trần Thị U, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 30/9/2019 và Đơn yêu cầu độc lập bổ sung ngày 25/02/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày bà Trần Thị K (có đại diện là ông Lê Hùng C) trình bày: Ông Trần Hữu H (đã chết ngày 05/11/2007) và bà Nguyễn Thị T (đã chết ngày 08/12/2013) có chung 07 người con theo Tờ khai hộ tịch ngày 18/4/2018 gồm: Trần Văn M, Trần Thị K, Trần Thị L1, Trần Thị U, Trần Thị Kim L, Trần Thị Kim L2 và Trần Thị Kim M1. Khi cha mẹ còn sống cùng tạo dựng được tài sản chung là quyền sử dụng đất số 00560 do Ủy ban nhân dân huyện Ô Môn cấp ngày 07/11/2003 cho hộ ông Trần Hữu H đứng tên với tổng diện tích là 27.619m<sup>2</sup> (LNK + 2L). Năm 2007, ông H bệnh chết, năm 2009 bà K nhập hộ khẩu gốc gia đình để phụ giúp nuôi mẹ. Khi ở chung với bà L1 nuôi mẹ thì bà L1 có nói với bà K là chia di sản thừa kế của cha để lại, nếu không chia thì anh trai sẽ chiếm hết bà K và bà L1 không có được gì, bà L1 có nói với bà K rằng “khi mở thừa kế thì chị từ chối nhận di sản của cha để tôi làm giấy tờ đất xong rồi sẽ cắt chia phần lại cho chị”.

Ngày 09/8/2010, tại văn phòng Ủy ban nhân dân phường L, Văn bản phân chia tài sản thừa kế đã được đánh máy soạn sẵn đưa cho bà T và yêu cầu chị em trong gia đình cùng ký tên vào, sau đó đưa văn bản nhận thừa kế cho bà L1 ký tên nhận và sau cùng là đưa ra 05 văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế cũng được soạn sẵn đánh máy phát cho bà Nguyễn Thị T, Trần Thị K, Trần Thị Kim M1, Trần Thị Kim L, Trần Thị Kim L2. Nội dung trong văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế của phường đã đưa cho chị em bà K ký tên đều giống nhau từng câu, từng chữ, dấu chấm, dấu phẩy.

Đến năm 2013, bà Nguyễn Thị T bệnh chết. Sau đó bà L1 đưa ra Giấy CNQSD đất do Ủy ban nhân dân quận O cấp cho bà L1 ngày 26/8/2010 và đuổi mẹ con bà K ra khỏi nhà nên mẹ con bà K phải ra phía sau nhà bà L1 cất tạm chòi lá để ở. Khi chưa mở thừa kế phân chia di sản của cha thì ngày 07/4/2010, bà L1 đã có đơn đến các cấp có thẩm quyền đề nghị đăng ký biến động quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất diện tích 12.206m<sup>2</sup> đất cây lâu năm, thửa 23 + 70, tờ bản đồ số 09; xin thừa kế quyền sử dụng đất từ cha Trần Hữu H, lý do: chết. Được cấp có thẩm quyền xác nhận và được văn phòng đăng ký đất đai quận O trích đo đạc ngày 11/5/2010 một phần thửa 23 và thửa 70, tờ bản đồ số 09, tổng diện tích là 11.457m<sup>2</sup> tên chủ sử dụng Trần Thị L1. Nội dung trích đo: thừa kế quyền sử dụng đất từ Trần Hữu H (tức là trước thời điểm mở thừa kế 04 tháng). Như vậy, tại Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 09/8/2010 tại Ủy ban nhân dân phường L diện tích bà L1 được giao là 12.206m<sup>2</sup> một phần thửa 23 và một phần 70, tờ bản đồ số 09, đúng với đơn đề nghị đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trước đó 04 tháng và đúng với văn bản nhận tài sản thừa kế ngày 09/8/2010 tại Ủy ban nhân dân phường L trước đó 04 tháng.

Do đó, bà K yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Yêu cầu hủy Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế do bà K đứng tên, hủy Văn bản nhận tài sản thừa kế do bà L1 đứng tên và hủy Văn bản phân chia tài sản thừa kế của bà T, ông M, bà K, bà L1, bà L2g, bà M1, bà U và bà L đã được Ủy ban nhân dân phường L chứng thực cùng ngày 09/8/2010.

2/ Yêu cầu bà L1 chia thừa kế theo pháp luật cho bà K 01 nền nhà ngang 5m x dài 50m, diện tích 250m<sup>2</sup> (loại đất CLN+LUC), thuộc thửa 23, tờ bản đồ số 09, Giấy CNQSD đất số CH00263, cấp ngày 26/8/2010 do bà Trần Thị L1 đứng tên, đo đạc thực tế là 139,5m<sup>2</sup> thể hiện tại vị trí A Bản Trích đo địa chính số 82/TTKTTNMT ngày 13/12/2019; diện tích đất ruộng 2.600m<sup>2</sup> thuộc thửa 568, tờ bản đồ số 09, Giấy CNQSD đất số CH00262, cấp ngày 26/8/2010 do bà Trần Thị L1 đứng tên, thể hiện tại vị trí A Bản Trích đo địa chính số 81/TTKTTNMT ngày 13/12/2019.

Đối với các tài sản trên đất, yêu cầu bà L1 tự tháo dỡ.

**- Theo Đơn yêu cầu độc lập ngày 30/9/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim L trình bày:**

Bà thông nhất ý kiến với trình bày của bà Trần Thị K. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Yêu cầu hủy Văn bản phân chia tài sản thừa kế của bà T, ông M, bà K, bà L1, bà L2g, bà M1, bà U và bà L đã được Ủy ban nhân dân phường L chứng thực ngày 09/8/2010.

2/ Yêu cầu bà L1 chia thừa kế theo pháp luật cho bà 01 nền nhà ngang 5m x dài 50m, diện tích 250m<sup>2</sup> (loại đất CLN+LUC), thuộc thửa 23, tờ bản đồ số 09, Giấy CNQSD đất số CH00263, cấp ngày 26/8/2010 do bà Trần Thị L1 đứng tên, đo đạc thực tế là 135,3m<sup>2</sup> thể hiện tại vị trí B Bản Trích đo địa chính số

82/TTKTTNMT ngày 13/12/2019; diện tích đất ruộng 2.600m<sup>2</sup> thuộc thửa 568, tờ bản đồ số 09, Giấy CNQSD đất số CH00262, cấp ngày 26/8/2010 do bà Trần Thị L1 đứng tên, thể hiện tại vị trí B Bản Trích đo địa chính số 81/TTKTTNMT ngày 13/12/2019.

Đối với các tài sản trên đất, yêu cầu bà L1 tự tháo dỡ.

- Tại Bản tự khai ngày 24/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị L1 trình bày: Nguyên phần đất bà được đứng tên tại thửa số 23, tờ bản đồ số 09, Giấy CNQSD đất số CH00263 cấp ngày 09/8/2010 do Trần Thị L1 đứng tên có nguồn gốc cha mẹ để lại, tất cả anh em cùng thống nhất ký tên phân chia. Phần đất này bà đã sử dụng từ lâu, không tranh chấp với ai. Vào năm 2009, bà Trần Thị L1 là chị ruột của bà có dẫn con là Trần Khánh D về xin nhập hộ khẩu của bà để đi học, bà cho bà K và D ở đậu trên căn nhà sau của bà và sử dụng từ đó cho đến nay. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà K và bà L vì Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế, Văn bản nhận tài sản thừa kế và Văn bản phân chia tài sản thừa kế đã được các anh chị em thống nhất phân chia và ký tên vào.

- Tại Bản tự khai ngày 24/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M trình bày: Cha mẹ ông là ông Trần Hữu H (đã chết năm 2007) và bà Nguyễn Thị T (đã chết năm 2013) có tất cả 07 người con gồm: Trần Văn M (sinh năm 1962), Trần Thị K (sinh năm 1963), Trần Thị L1 (sinh năm 1964), Trần Thị U (sinh năm 1966), Trần Thị Kim L (sinh năm 1970), Trần Thị Kim L2 (sinh năm 1972) và Trần Thị Kim M1 (sinh năm 1975). Cha mẹ ông có tạo lập được diện tích đất 27.619m<sup>2</sup> (LNK+2L) thuộc thửa 23+70 tọa lạc tại ấp T C, xã T, huyện O (nay là khu vực T, phường L, quận O, thành phố Cần Thơ). Khi ông H còn sống chưa phân chia đất cho các con nhưng ông H có giao cho ông 06 công đất ruộng để canh tác từ năm 1987. Thời điểm đó đất đang cầm cố cho người khác, ông đã bỏ tiền ra chuộc lại đất để sử dụng. Năm 2010, bà T cùng các anh em của ông đã lập Văn bản phân chia tài sản thừa kế, được Ủy ban nhân dân phường L chứng thực ngày 09/8/2010. Theo đó, ông được chia giao diện tích đất 10.879m<sup>2</sup> (CLN+LUA); bà L1 được chia giao 12.206m<sup>2</sup> (CLN+LUA); bà U được chia giao 4.534m<sup>2</sup> (LUA). Còn lại bà K, bà L, bà L2g và bà M1 không được chia đất. Ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia. Anh Trần Khánh D là con của bà Kết. Anh D và bà K đã sống chung nhà với bà T, ông H từ khi anh D khoảng 2-3 tuổi, đến khi ông H và bà T mất thì anh Duy, bà K vẫn tiếp tục ở trong căn nhà đó cùng với bà L1, bà L2g. Phần đất nơi có căn nhà của ông H, bà T hiện thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L1. Do có mâu thuẫn với nhau nên

bà L1 đã đuổi anh Duy, bà K ra khỏi nhà. Hiện anh Duy, bà K đang ở nhờ cái mé trái phía sau nhà của bà L1. Nay ông không đồng ý hủy Văn bản phân chia tài sản thừa kế nêu trên. Bởi vì, bà T và các anh em của ông đã tự nguyện ký tên vào văn bản phân chia đó và đã được Ủy ban nhân dân phường L chứng thực hợp lệ. Theo ông, trước đây do bà K sống chung nhà với bà L1 nên đã không phân chia đất cho riêng từng người mà đã để bà L1 đại diện đứng tên phần đất đó và chị em sử dụng chung với nhau. Sau này do mâu thuẫn nên mới phát sinh tranh chấp như hiện nay.

- Tại Bản tự khai ngày 24/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim L2 trình bày:

Phần đất mà bà Trần Thị L1 đứng tên tại thửa 23, tờ bản đồ số 09, Giấy CNQSD đất số CH00263 cấp ngày 26/8/2010 có nguồn gốc do cha mẹ chia cho, tất cả anh em đồng thống nhất và ký tên.

Còn bà Trần Thị K có con là Trần Khánh Duy trước đây sống ở bên chồng, vợ chồng ly hôn với nhau nên năm 2009 bà K đưa con về chung sống với bà và bà L1, đồng thời bà K xin cho anh D nhập hộ khẩu chung với bà và bà K, vì nghĩ là cháu cần hộ khẩu đi học nên bà L1 mới đồng ý cho bà K và anh Duy nhập chung hộ khẩu và xin ở nhờ phần nhà sau của bà L1.

Năm 2010, các chị em trong gia đình đã đồng ý ký tên vào văn bản phân chia thừa kế, bà K cũng có ký tên vào văn bản phân chia thừa kế này. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Tại Bản tự khai ngày 02/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim M1 trình bày:

Bà Trần Thị L1 là chị ruột của bà. Phần đất mà bà Trần Thị L1 đứng tên tại thửa 23, tờ bản đồ số 09, Giấy CNQSD đất số CH00263 cấp ngày 26/8/2010 có nguồn gốc do cha mẹ chia cho, tất cả anh em đồng thống nhất và ký tên.

Bà không đồng ý hủy bỏ văn bản phân chia thừa kế của đồng thừa kế có chứng thực ngày 09/8/2010 vì phần đất này là của cha mẹ của bà để lại cho bà L1 với sự đồng ý của tất cả anh em, trên phần đất này có phần mộ của cha mẹ của bà. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Tại Văn bản số 172/UBND ngày 05/3/2022, Ủy ban nhân dân phường L có ý kiến như sau:

Tại thời điểm xác lập các Văn bản phân chia tài sản thừa kế, Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế và Văn bản nhận tài sản thừa kế, các bên đều có mặt để kiểm tra các giấy tờ tùy thân đối chiếu nhân thân ghi trong các văn bản, đồng thời công chức tiếp nhận hồ sơ thông báo về nội dung đã ghi trong văn bản và

cam đoan trong văn bản chúng tôi tự nguyện lập về việc phân chia tài sản thừa kế, văn bản từ chối nhận tài sản, văn bản nhận tài sản. Sau khi đối chiếu các bên tự nguyện ký vào các văn bản và không ai bị đe dọa, ép buộc để ký vào văn bản đã nêu trên.

Căn cứ vào Nghị định 75/2000/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 04//2006/TTLT-BTP-BTNMT, Ủy ban nhân dân phường tiến hành thực hiện trình tự thủ tục chứng thực các văn bản nêu trên đúng quy định.

Ủy ban nhân dân phường không có ý kiến đối với trường hợp bà K và bà L yêu cầu hủy các Văn bản phân chia tài sản thừa kế, Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế và Văn bản nhận tài sản thừa kế.

Ủy ban nhân dân phường L xin đề nghị Tòa án nhân dân quận O cho phép Ủy ban nhân dân phường vắng mặt.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Tòa án nhân dân quận O đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 27/2022/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận O đã tuyên như sau:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị K và bà Trần Thị Kim L về việc yêu cầu hủy Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế, hủy Văn bản nhận tài sản thừa kế và hủy Văn bản phân chia tài sản thừa kế lập cùng ngày 09/8/2010.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị K và bà Trần Thị Kim L về việc buộc bị đơn bà Trần Thị L1 chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 23 và thửa đất số 568 do bà Trần Thị L1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00262 và số CH00263 do Ủy ban nhân dân quận O cấp cùng ngày 26/8/2010.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, các nguyên đơn bà K và bà L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Trần Thị K trình bày: bà K không đồng ý với án sơ thẩm nên kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận buộc bà L1 chia cho bà K một nền nhà 250m<sup>2</sup> và 2600m<sup>2</sup> đất Lúa. Nguồn gốc đất do cha, mẹ để lại cấp cho hộ. Ông Trần Hữu H, bà Nguyễn Thị T gồm có 7 người con tuy nhiên đất chỉ chia cho 3 người con là ông M, bà U và bà L1 được đất còn bà K, bà L, bà M1 và bà L2g không được chia đất. Như vậy là chưa đúng vì cha, mẹ tạo lập được 27.619m<sup>2</sup> như vậy chia cho 7 người con thì mỗi người có 3.945,5m<sup>2</sup> như vậy bà K yêu cầu chia một nền

250m<sup>2</sup> và 2600m<sup>2</sup> đất Lúa là phù hợp.

Đối với thủ tục lập thỏa thuận chia tài sản còn nhiều sơ hở như sau: Giấy chứng nhận cấp cho hộ ông H, bà T vì vậy cần phải xác minh người trong hộ của bà Hạnh, ông Thôi để chia đất cho phù hợp, thời điểm làm văn bản phân chia tài sản thừa kế 9/8/2010 chỉ phân chia tài sản phần của ông H lúc đó bà T còn sống nên chia hết tài sản cho ba người con là chưa đúng. Bà K làm văn bản từ chối chỉ có phần tài sản của cha còn mẹ chưa chia. Đến nay chưa có một văn bản nào thực hiện việc chia di sản của bà T nên bà L1, ông M và bà U được cấp giấy toàn bộ đất của cha, mẹ là không đúng. Bà T là người không biết đọc, biết viết nhưng dòng cuối của văn bản tại phường L lại ghi “ những người thừa kế đã đọc Văn bản phân chia tài sản thừa kế đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Văn bản và đã ký vào Văn bản này trước sự có mặt của tôi”.

Trong các văn bản từ chối nhận di sản thì bà K do tin tưởng lời của mẹ là bà T mới lập văn bản từ chối để sau này bà L1 đứng tên rồi chia nền nhà lại cho 2 chị.

Các vấn đề khác như:

Bà K không còn chỗ nương tựa nên mới ở với nhờ phía sau nhà bà L1;

Khi làm văn bản thỏa thuận chỉ là thỏa thuận tài sản của cha là ông H còn tài sản bà T chưa phân chia nên dựa vào văn bản phân chia tài sản thừa kế để chia luôn phần tài sản bà T là không đúng.

Vì vậy, đề nghị HĐXX xem xét tạo nơi ăn chốn ở, có ruộng để sinh sống cho bà K đề nghị HĐXX chấp nhận khởi kiện, kháng cáo của bà K.

- Nguyên đơn bà Trần Thị K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Nguyên đơn bà Trần Thị Kim L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy Văn bản phân chia tài sản thừa kế của bà T, ông M, bà K, bà L1, bà L2g, bà M1, bà U và bà L đã được Ủy ban nhân dân phường L chứng thực cùng ngày 09/8/2010. Yêu cầu bà L1 chia thừa kế theo pháp luật.

- Bị đơn bà Trần Thị L1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M và bà Trần Thị Kim L2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, ông M và bà L2g không có yêu cầu gì khác.

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và

thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã thu thập thể hiện nguồn gốc do Ông Trần Hữu H và bà Nguyễn Thị T tạo dựng được tài sản chung là quyền sử dụng đất số 00560 do Ủy ban nhân dân huyện Ô Môn cấp ngày 07/11/2003 cho hộ ông Trần Hữu H đứng tên với tổng diện tích là 27.619m<sup>2</sup> (LNK + 2L). Năm 2007, vợ chồng ông H bà T có chung 07 người con theo Tờ khai hộ tịch ngày 18/4/2018 gồm: Trần Văn M, Trần Thị K, Trần Thị L1, Trần Thị U, Trần Thị Kim L, Trần Thị Kim L2 và Trần Thị Kim M1. Khi ông H bà T chết đi không để lại di chúc nên 07 anh chị em thỏa thuận phân chia tài sản sản do cha mẹ để lại là phần đất nêu trên.

- Qua thu thập lời khai của các đương sự trong gia đình nguyên đơn và bị đơn thể hiện việc lập văn bản phân chia di sản thừa kế được tất cả anh chị em thỏa thuận, thống nhất chia tài sản và ký tên vào văn bản, thể hiện ý chí tự nguyện của tất cả mọi người.

- Căn cứ công văn số 172/UBND ngày 05/3/2022 của Ủy ban nhân dân phường L quận O xác định thời điểm thời điểm xác lập các Văn bản phân chia tài sản thừa kế, Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế và Văn bản nhận tài sản thừa kế, các bên đều có mặt để kiểm tra các giấy tờ tùy thân đối chiếu nhân thân ghi trong các văn bản, các bên đã cam đoan và tự nguyện ký tên vào các văn bản trên, không ai bị đe dọa, ép buộc, trình tự thủ tục chứng thực các văn bản nêu trên đúng quy định.

- Việc bà L1, ông M, bà L2g và bà M1 cho rằng các bên đã tự nguyện ký tên vào các văn bản trên là hoàn toàn tự nguyện không ai bị ép buộc, tất cả đều bàn bạc, thỏa thuận, thống nhất. Việc nguyên đơn bà L và bà K yêu cầu hủy văn bản phân chia thừa kế và yêu cầu chia phần đất có diện tích 5m x dài 50m, diện tích 250m<sup>2</sup> (loại đất CLN+LUC), thuộc thửa 23, tờ bản đồ số 09, Giấy CNQSD đất số CH00263, cấp ngày 26/8/2010 do bà Trần Thị L1 đứng tên và diện tích đất ruộng 2.600m<sup>2</sup> thuộc thửa 568, tờ bản đồ số 09, Giấy CNQSD đất số CH00262, cấp ngày 26/8/2010, bà K và bà L cho rằng trước đây bị lừa dối nên ký tên vào các văn bản nêu trên nhưng ngoài lời trình bày thì bà K và bà L không cung cấp được chứng cứ để chứng minh việc bị lừa dối. Do đó bà K và bà L yêu cầu hủy các văn bản nêu trên để chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông H để lại là không có căn cứ.

Từ những vấn đề phân tích nêu trên nhận thấy tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, các tài liệu đã thu thập là khách quan, phù hợp và đúng với quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp

dụng khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 13/05/2022 của TAND quận O thành phố Cần Thơ. không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; của luật sư và những người tham gia tố tụng khác.*

[1] Về quan hệ pháp luật: bà Trần Thị K và bà Trần Thị Kim L khởi kiện bị đơn yêu cầu chia di sản của ông Trần Hữu H để lại. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp di sản thừa kế” là phù hợp.

[2] Về thời hiện khởi kiện: Trần Hữu H (chết ngày 05/11/2007) và bà Nguyễn Thị T (chết ngày 08/12/2013), tính đến ngày 30/9/2019 bà Trần Thị K và bà Trần Thị Kim L yêu cầu chia di sản của ông Trần Hữu H đối chiếu với thời điểm Tòa án nhận đơn và thụ lý vụ án thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 623 và khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai nhận của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng có cơ sở xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Hữu H (chết ngày 05/11/2007) và bà Nguyễn Thị T (chết ngày 08/12/2013) có tổng cộng 07 người bao gồm ông Trần Văn M, bà Trần Thị K, bà Trần Thị L1, bà Trần Thị U, bà Trần Thị Kim L, bà Trần Thị Kim L2 và bà Trần Thị Kim M1.

[4] Về di sản thừa kế: tại phiên tòa cũng như lời khai nhận của các đương sự trong vụ án đều xác định trong thời kỳ hôn nhân Ông H, bà T có tạo lập được diện tích đất 27.619m<sup>2</sup> (LNK+2L) thuộc thửa 23+70, tờ bản đồ số 09, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00560 cấp ngày 07/11/2003, đất tọa lạc tại ấp Thới Hòa C, xã Thới Long, huyện Ô Môn (nay là khu vực Thới Hòa B, phường L, quận O, thành phố Cần Thơ). Năm 2007, ông H chết. Ngày 09/8/2010, bà T cùng các con gồm ông Trần Văn M, bà Trần Thị K, bà Trần Thị L1, bà Trần Thị U, bà Trần Thị Kim L, bà Trần Thị Kim L2 và bà Trần Thị Kim M1 lập Văn bản phân chia tài sản thừa kế, được Ủy ban nhân dân phường L chứng thực cùng ngày 09/8/2010. Theo đó: Ông M được chia giao diện tích đất 10.879m<sup>2</sup> (CLN+LUA) thuộc một phần thửa 23 và một phần thửa 70; ông M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00261 (thửa đất số 567, diện tích 422m<sup>2</sup>) và số CH00260 (thửa đất số 566, diện tích 10.457m<sup>2</sup>) cấp cùng ngày 26/8/2010. Bà L1 được chia giao 12.206m<sup>2</sup> (CLN+LUA) thuộc một phần thửa 23 và một phần thửa 70; bà L1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00262 (thửa đất số 568, diện tích 11.457m<sup>2</sup>) và số CH00263 (thửa đất số 23, diện tích 749m<sup>2</sup>) cấp cùng ngày 26/8/2010. Bà U được chia giao 4.534m<sup>2</sup>

(LUA) thuộc một phần thừa 70. Còn lại bà K, bà L, bà L2g và bà M1 không được chia đất.

[5] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà K cho rằng do bị bà L1 lừa dối nên bà đã đồng ý ký tên vào Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế và Văn bản phân chia tài sản thừa kế. Do đó, bà K yêu cầu hủy Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế do bà K đứng tên, Ngoài ra, bà K còn cho rằng tài sản là của cha mẹ chết để lại không có di chúc, tại sao trong tất cả các con chỉ có Mỹ, U' và làm được hưởng tài sản còn 4 người còn lại không được hưởng nên yêu cầu xem xét chia theo quy định pháp luật đối với di sản là 27.619m<sup>2</sup> chia cho 7 người con mỗi người được hưởng kỷ phần là 3.945,5m<sup>2</sup>. Thấy rằng, tại phiên tòa sơ thẩm bà thừa nhận đã tự nguyện ký tên vào Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế và Văn bản phân chia tài sản thừa kế đã được Ủy ban nhân dân phường L chứng thực cùng ngày 09/8/2010, lúc ký văn bản trên không bị ai đe dọa, ép buộc nhưng do trước đó do bà K tin tưởng việc bà L1 hứa hẹn sẽ chia đất lại cho bà K nên các bà mới đồng ý ký tên vào các văn bản nêu trên. Việc thỏa thuận giữa các bên về việc chia đất lại cho bà K thì các bên chỉ nói miệng với nhau nhưng phía bị đơn phủ nhận lời trình bày của các nguyên đơn. Bị đơn đã hoàn tất các thủ tục để chuyển thừa kế quyền sử dụng đất cho bị đơn là hợp lý. Đồng thời, tại đơn kháng cáo ngày 26/5/2022 bà K cho rằng bà L1 kêu bà ký từ chối nhận di sản để bà L1 đứng tên nhưng sau khi bà L1 đứng tên thì bà và bà L không được chia đất nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà K cho rằng bà không nghe đọc lại tất cả các văn bản từ chối di sản cũng như văn bản chia di sản thừa kế bà nghĩ rằng các văn bản đó đều để cho mẹ bà đứng tên nên bà mới ký vào các văn bản đó. Như vậy, lời trình bày của bà K trước sau có sự mâu thuẫn và bà cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh nên kháng cáo của bà K là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo của bà L về việc bà cho rằng quyền sử dụng đất do ông H đứng tên được cấp cho hộ gia đình ông H gồm 7 người gồm ông H, Thôi, ông M, Kết, Lâm, U', L, L1 và bà M1 nên phần di sản của ông H chỉ có 3.068,7m<sup>2</sup>. Bà đồng ý từ chối nhận di sản thừa kế của ông H chứ không từ chối phần diện tích đất được hưởng của bà nên Văn bản phân chia di sản 09/8/2010 là không đúng pháp luật, bà yêu cầu hủy văn bản trên và chia thừa kế lại thành 7 kỷ phần mỗi kỷ phần là 3.945,5m<sup>2</sup>. Xét thấy, tại đơn yêu cầu khởi kiện ngày 30/9/2019 cũng như bản tự khai ngày 24/4/2019 và tại phiên tòa phúc thẩm bà L và bà K

đều thừa nhận 27.619m<sup>2</sup> là tài sản chung của cha mẹ tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân, cha mẹ chết không để lại di chúc nên yêu cầu chia đều 7 kỷ phần đối với diện tích đất này. Đồng thời, tại Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 09/8/2010 (bút lục 36) các anh chị em trong gia đình trong đó có bà L đã ký thỏa thuận phân chia cho bị đơn bà L1 là 12.206m<sup>2</sup> đất CLN+LUA theo Giấy CNQSD đất số 00560 do UBND huyện Ô Môn cấp ngày 07/11/2003. Bà L1 làm Đơn đề nghị đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 07/4/2010 nhưng đến ngày 13/8/2010 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận O mới xác nhận đủ thủ tục và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Như vậy, chính bà L đã đồng ý giao cho bị đơn quyền sử dụng đất là 12.206m<sup>2</sup> đất CLN+LUA theo Giấy CNQSD đất số 00560 do UBND huyện Ô Môn cấp ngày 07/11/2003 nên kháng cáo của bà L không có cơ sở chấp nhận.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn bà Trần Thị K và bà Trần Thị Kim L.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị K và bà Trần Thị Kim L về việc yêu cầu hủy Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế, hủy Văn bản nhận tài sản thừa kế và hủy Văn bản phân chia tài sản thừa kế lập cùng ngày 09/8/2010.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị K và bà Trần Thị Kim L về việc buộc bị đơn bà Trần Thị L1 chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 23 và thửa đất số 568 do bà Trần Thị L1 đứng tên Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số CH00262 và số CH00263 do Ủy ban nhân dân quận O cấp cùng ngày 26/8/2010.

- Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Nguyên đơn bà Trần Thị K và bà Trần Thị Kim L - mỗi người phải chịu số tiền 4.633.500 đồng (*Bốn triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng*). (Đã nộp xong).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị K phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 010601 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận O, thành phố Cần Thơ thành án phí. Nguyên đơn bà Trần Thị Kim L phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 010602 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận O, thành phố Cần Thơ thành án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn bà K và bà L mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003367 ngày 26/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận O thành phố Cần Thơ thành án phí. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003366 ngày 26/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận O, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND.TP.Cần Thơ;
- Cục THADS TP.Cần Thơ;
- TAND Q. O
- Lưu hồ sơ.

**Phan Thị Tuyết Mai**

